

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1333/2021/KDTM-PT

Ngày: 29-12-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Tính

Ông Trương Hồng Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tôn Mạnh
Hùng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29-12-2021 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/TLST-KDTM ngày 17-01-2017, về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4604/2021/QĐXXST-KDTM ngày 02-12-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11561/2021/QĐST-KDTM ngày 22-12-2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 02 LH, phường TC, quận BĐh, Thành phố HA

Chi nhánh: 332A-332B TC, Phường QE, quận TB, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Lam G, sinh năm 1974; là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 18-01-2021) (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần D

Địa chỉ: 1079 TQB, Phường Y, Quận U, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T; Địa chỉ: 52/4 Khu phố Q, phường TX, Quận QW, Thành phố H(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ngân hàng N trình bày:

Ngân hàng N Chi nhánh Bình Phú (tên gọi cũ Ngân hàng N Mạc Thị Bưởi - Chi nhánh KCN Tân Bình) cho Công ty Cổ phần D vay theo các Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-200700213 ngày 21-8-2007; Hợp đồng tín dụng số 1901-

LAV-200600140 ngày 21-8-2006 và Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-200500205 ngày 23-12-2005, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-200700213 ngày 21-8-2007:

Số tiền vay 8.200.000.000 đồng (tám tỷ hai trăm triệu). Dư nợ còn lại tại thời điểm khởi kiện: 8.195.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn đến 31-5-2013 là 6.026.183.621 đồng; nợ lãi quá hạn đến 31-5-2013 là 2.823.645.638 đồng; tổng cộng tạm tính đến 31-5-2013 là 17.044.829.259 đồng. Thời hạn cho vay 12 tháng. Ngày vay 21-8-2007, ngày đáo hạn 21-8-2008. Lãi suất tại thời điểm vay 12,36%/năm, lãi suất quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay. Mục đích vay vốn: Vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh cho nhà máy sản xuất bao bì PP.

Tài sản bảo đảm tiền vay: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường TX, Quận QW, Thành phố H (thửa đất số 6079, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.231m²) thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thanh T, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1901-LCP-200700177/TC ngày 22-8-2007 được Phòng Công chứng số 05 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 23504; Quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22-8-2007, có đơn yêu cầu đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Văn phòng Đăng ký Đất đai Quận QW ngày 22-8-2007.

2. Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-200600140 ngày 21-8-2006:

Số tiền vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Dư nợ còn lại tại thời điểm khởi kiện: 155.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn đến 31-5-2013 là 219.044.826 đồng; nợ lãi quá hạn đến 31-5-2013 là 88.748.892 đồng; tổng cộng tạm tính đến 31-5-2013 là 462.793.718 đồng. Thời hạn cho vay 36 tháng. Ngày vay 21-8-2006, ngày đáo hạn 21-8-2009. Lãi suất tại thời điểm vay 14,16%/năm, lãi suất quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay. Mục đích vay vốn: Cho vay theo dự án đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất bao Polypropylene (PP).

Tài sản bảo đảm tiền vay: 01 dây chuyền máy dệt bao PP gồm 01 Máy kéo sợi và 10 Máy dệt bao PP thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần D. theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1901-LAV-200600140/CCTS ngày 23-8-2006 được Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 24275, Quyền số 08 ngày 23-8-2006, có Đơn yêu cầu đăng ký cầm cố tài sản ngày 23-8-2006 được Trung tâm đăng ký Giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 25-8-2006 số B060801702BD01.

3. Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-200500205 ngày 23-12-2005:

Số tiền vay 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Dư nợ còn lại tại thời điểm khởi kiện là 0 đồng (không); nợ lãi trong hạn đến 31-5-2013 là 91.631.426 đồng; nợ lãi quá hạn đến 31-5-2013 là 87.590.810 đồng; tổng cộng tạm tính đến 31-5-2013 là 179.222.237 đồng. Thời hạn cho vay 36 tháng. Ngày vay 25-8-2005, ngày đáo hạn 25-12-2008. Lãi suất tại thời điểm vay 14,16%/năm, lãi suất quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay. Mục đích vay vốn: Đầu tư dây chuyền sản xuất bao Polypropylene (PP).

Tài sản bảo đảm tiền vay: 02 dây chuyền máy dệt bao PP gồm 02 máy kéo sợi (184 sợi) và 20 Máy dệt bao PP thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần D. theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 1901-LAV-200500205/CC ngày 27-12-2005 được Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 34476, Quyền số 12 ngày 27-12-2005, có Đơn yêu cầu đăng ký cầm cố tài sản ngày 27-12-2005 được Trung tâm đăng ký Giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 30-12-2005 số B051201423BD01.

Theo Điều 3 và 6 tại các hợp đồng tín dụng, Công ty Cổ phần D có nghĩa vụ: Trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng, theo đúng thời hạn ghi tại Giấy nhận nợ; trả nợ lãi 01 tháng một lần vào ngày 26-30 hàng tháng. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần D chỉ trả lãi đến hết ngày 31-12-2007 và không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết trong các hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ với Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc cũng như gửi thông báo nhắc nợ.

Ngày 31-5-2013, Ngân hàng khởi kiện Công ty Cổ phần D đến Tòa án nhân dân Quận 8, yêu cầu Công ty Cổ phần D thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ tạm tính đến ngày 31-5-2013 là 17.686.845.214 đồng, trong đó nợ gốc là 8.350.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 6.336.859.874 đồng; nợ lãi quá hạn là 2.999.985.340 đồng và tiếp tục trả tiền lãi trong hạn và quá hạn phát sinh sau ngày 31-5-2013 cho đến khi Công ty Cổ phần D thanh toán hết số nợ nói trên cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty Cổ phần D không thanh toán số nợ nói trên, căn cứ các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1901-LCP-200700177/TC ngày 22-8-2007; Hợp đồng thế chấp tài sản số 1901-LAV-200600140/CCTS ngày 23-8-2006 và Hợp đồng cầm cố tài sản số 1901-LAV-200500205/CC ngày 27-12-2005, Ngân hàng yêu cầu những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (cá nhân hoặc tổ chức) thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng. Nếu những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (cá nhân hoặc tổ chức) không thanh toán hết số nợ trên, Ngân hàng đề nghị phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Ngày 11-11-2016, Tòa án nhân dân Quận 8 ra Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 80/2016/QĐST-KDTM chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị Anh Đ (vợ ông Nguyễn Thanh T- chủ tài sản thế chấp) đang định cư tại Hoa Kỳ.

Ngày 17-01-2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án.

Ngày 11-7-2017, Ngân hàng gửi Đơn đề ngày 10-7-2017 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó Ngân hàng yêu cầu Công ty Cổ phần D phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tại các hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 28-10-2016 là 13.573.472.045 đồng, trong đó lãi trong hạn là 9.092.369.730 đồng; lãi phạt quá hạn là 4.481.102.315 đồng (không còn nợ gốc) theo thỏa thuận trong Giấy cam kết trả nợ của Công ty Cổ phần D ngày 28-10-2016. Nếu Công ty Cổ phần D vẫn không thanh toán hết số nợ trên, Ngân hàng đề nghị phát mại các tài

sản bảo đảm: 01 dây chuyền máy dệt bao PP gồm 1 Máy kéo sợi PP và 10 Máy dệt bao PP thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần D. và 02 dây chuyền máy dệt bao PP gồm 02 máy kéo sợi (184 sợi) và 20 Máy dệt bao PP thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần D.

Ngày 12-3-2021, nguyên đơn điều chỉnh số nợ lãi trong hạn từ 9.092.369.730 đồng thành 9.093.936.952 đồng do trước đây có sai sót trong tính toán.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh buộc Công ty Cổ phần D phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tại các hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29-12-2021 là 13.575.039.267 đồng, trong đó lãi trong hạn là 9.093.936.952 đồng; lãi phạt quá hạn là 4.481.102.315 đồng (không còn nợ gốc). Nếu Công ty Cổ phần D vẫn không thanh toán hết số nợ trên, Ngân hàng đề nghị phát mại các tài sản bảo đảm: 01 dây chuyền máy dệt bao PP gồm 1 Máy kéo sợi PP và 10 Máy dệt bao PP thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần D. và 02 dây chuyền máy dệt bao PP gồm 02 máy kéo sợi (184 sợi) và 20 Máy dệt bao PP thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần D. Rút yêu cầu khởi kiện liên quan đến việc phát mại Quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường TX, Quận QW, Thành phố H (thửa đất số 6079, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.231m²) thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thanh T, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1901-LCP-200700177/TC ngày 22-8-2007 được Phòng Công chứng số 05 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 23504; Quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22-8-2007.

Bị đơn Công ty Cổ phần D có ông Nguyễn Thanh T là đại diện theo pháp luật vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đương sự, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng Nkhởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần D thanh toán tiền lãi theo các Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-200700213 ngày 21-8-2007; số 1901-LAV-200600140 ngày 21-8-2006 và số 1901-LAV-200500205 ngày 23-12-2005. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại Số 1079 TQB, Phường Y, Quận U,

Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý là có căn cứ. Ngày 11-11-2016, Tòa án nhân dân Quận 8 căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị Anh Đ (vợ ông Nguyễn Thanh T- chủ tài sản thế chấp) đang định cư tại Hoa Kỳ là có cơ sở. Trong quá trình Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến quyền, nghĩa vụ của bà Kiều Thị Anh Đ nên bà Đào không còn tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng để đảm bảo vụ án được giải quyết liên tục, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục giải quyết vụ án theo thẩm quyền là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xác định địa chỉ của bị đơn: Căn cứ Công văn số 2622/ĐKKD-T6 ngày 28-4-2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp: Công ty Cổ phần D có địa chỉ trụ sở tại Số 1079 TQB, Phường Y, Quận U, Thành phố H; đến ngày 28-4-2021 chưa đăng ký giải thể; Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thanh T có địa chỉ cư trú tại 52/4 Khu phố 1, phường TX, Quận QW, Thành phố H. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường TX, Quận QW, Thành phố H theo Công văn số 476/TATP-TKT ngày 20-10-2021 cho biết ông Nguyễn Thanh T có HKTT tại 52/4, Tổ 20, Khu phố 1, phường TX, Quận QW, Thành phố H, không còn cư ngụ tại địa chỉ trên, đã đi từ năm 2018 đến nay nên Tòa xác định địa chỉ cuối cùng của ông Nguyễn Thanh T tại Số 52/4 Khu phố 1, phường TX, Quận QW, Thành phố H.

[3] Bị đơn Công ty Cổ phần D và người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ bằng hình thức đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (Báo Thanh Niên các ngày 06, 07, 08 tháng 11 năm 2021; Đài tiếng nói Việt Nam các ngày 11, 12, 13 tháng 11 năm 2021 và Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Căn cứ vào chứng cứ và lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở để xác định: Nguyên đơn và bị đơn đã ký kết thực hiện các Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-200700213 ngày 21-8-2007; Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-200600140 ngày 21-8-2006; Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-200500205 ngày 23-12-2005. Tính đến ngày 28-10-2016, dư nợ gốc là 0 (không) đồng.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, căn cứ các Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-200700213, Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-200600140, Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-200500205, bảng tính lãi và Giấy cam kết trả

nợ ngày 28-10-2016 của bị đơn thể hiện đến ngày 28-10-2016, bị đơn còn nợ nguyên đơn lãi trong hạn 9.093.936.952 đồng, lãi quá hạn 4.481.102.315 đồng, tổng cộng là 13.575.039.267 đồng (lãi không tiếp tục phát sinh kể từ ngày 28-10-2016) là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng tín dụng cũng như quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thanh toán hết số nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại các tài sản bảo đảm: 01 dây chuyền máy dệt bao PP gồm 1 Máy kéo sợi PP và 10 Máy dệt bao PP; 02 dây chuyền máy dệt bao PP gồm 02 máy kéo sợi (184 sợi) và 20 Máy dệt bao PP thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần D. Theo Điều 3 của các hợp đồng thế chấp nguyên đơn giữ các giấy tờ tài sản, bị đơn giữ và sử dụng tài sản thế chấp (toàn bộ dây chuyền được lắp ráp từ tài sản thế chấp), Điều 5 quy định bị đơn không được bán, trao đổi, tặng, cho thuê, cho mượn, góp vốn liên doanh, bảo đảm cho nghĩa vụ khác... Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12-3-2021, nguyên đơn xác định chỉ biết các tài sản thế chấp được đặt tại trụ sở của Công ty Cổ phần D ở địa chỉ Số 1079 TQB, Phường Y, Quận U, Thành phố H. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh tại Công an Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xác định Công ty Cổ phần D không còn hoạt động thực tế tại địa chỉ Số 1079 TQB, Phường Y, Quận U, Thành phố H (Công văn số 1371/TATP - TKT ngày 19-3-2021), hiện tại nguyên đơn cũng không xác định được vị trí, hiện trạng của tài sản thế chấp nên Tòa án không có cơ sở để tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Xét thấy Hợp đồng thế chấp tài sản số 1901-LAV-200600140/CCTS ngày 23-8-2006 và Hợp đồng cầm cố tài sản số 1901-LAV-200500205/CC ngày 27-12-2005 được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm hợp pháp. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 4, Điều 6 của hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản đã ký giữa các bên cũng như phù hợp với quy định tại các điều 336, 338, 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Xét thấy, ngày 03-11-2016 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường TX, Quận QW, Thành phố H (thửa đất số 6079, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.231m²) thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thanh T, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1901-LCP-200700177/TC ngày 22-8-2007 được Phòng Công chứng số 05 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 23504; Quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22-8-2007. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu của nguyên đơn.

[9] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[10] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí 121.575.039 (Một trăm hai mươi một triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, không trăm ba mươi chín) đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 336, 338, 355 của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, buộc Công ty Cổ phần D phải trả cho Ngân hàng Nợ lãi tính đến ngày 29-12-2021 là 13.575.039.267 (mười ba tỷ, năm trăm bảy mươi lăm triệu, không trăm ba mươi chín ngàn, hai trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó lãi trong hạn là 9.093.936.952 (chín tỷ, không trăm chín mươi ba triệu, chín trăm ba mươi sáu ngàn, chín trăm năm mươi hai) đồng, lãi quá hạn là 4.481.102.315 (bốn tỷ, bốn trăm tám mươi một triệu, một trăm lẻ hai ngàn, ba trăm mười lăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Công ty Cổ phần D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, gồm:

- 01 dây chuyền máy dệt bao PP gồm 1 Máy kéo sợi PP và 10 Máy dệt bao PP, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1901-LAV-200600140/CCTS ngày 23-8-2006 được Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 24275; Quyền số 08 ngày 23-8-2006, được Trung tâm đăng ký Giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 25-8-2006 số B060801702BD01;

- 02 dây chuyền máy dệt bao PP gồm 02 máy kéo sợi (184 sợi) và 20 Máy dệt bao PP thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần D. theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 1901-LAV-200500205/CC ngày 27-12-2005 được Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 34476; Quyền số 12 ngày 27-12-2005, được Trung tâm đăng ký Giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 30-12-2005 số B051201423BD01.

2. Đình chỉ yêu cầu phát mại Quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường TX, Quận QW, Thành phố H (thửa đất số 6079, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.231m²)

thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thanh T thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1901-LCP-200700177/TC ngày 22-8-2007 được Phòng Công chứng số 5 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 23504; Quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22-8-2007.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần D phải chịu án phí sơ thẩm là 121.575.039 (một trăm hai mươi một triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, không trăm ba mươi chín) đồng.

Ngân hàng Nkhông phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng N(trước đây là Công ty TNHH MTV Ngân hàng N) số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 62.843.000 (sáu mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi ba ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2011/02358 ngày 21-10-2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./ .

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Quỳnh Trâm